

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST  
Ngày: 11-6-2021  
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ  
TỈNH LONG AN**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Lô.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Xuân.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Phước Mãi – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2021/TLST-DS, ngày 22 tháng 3 năm 2021, về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định xét xử số 40/2021/QĐST-DS, ngày 26/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An giữa các đương sự:

**1. *Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Võ Thị Q, sinh năm: 19xx;  
Địa chỉ: Số xx Nguyễn Trung T, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L (văn bản ủy quyền ngày xx/x/202x).

**2. *Bị đơn:*** Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

*(Đại diện Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh T và những lời trình bày tại phiên tòa của đại diện nguyên đơn là bà Võ Thị Q như sau:

Ngày 05/3/2019 bà Lê Thị Kim H có vay của bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 150.000.000đ, thỏa thuận mỗi tháng trả 5.000.000đ cho đến khi kết thúc số nợ, để đảm bảo hạn ngân hàng, có viết giấy nợ do bà H ký tên.

Sau khi vay tiền, bà H không có trả tiền cho bà T nên bà T có khởi kiện bà H tại tòa án. Theo Quyết định số 42/2019/QĐST-DS ngày 03/10/2019 buộc bà H trả cho bà T số tiền 25.000.000đ và theo Bản án số 11/2020/DS-ST ngày 28/5/2020 buộc bà H trả cho bà T số tiền 30.000.000đ.

Từ tháng 3/2020 cho đến nay bà H không có trả tiền cho bà T. Nay bà T yêu cầu bà H trả số tiền đã vi phạm từ ngày 05/3/2020 đến ngày 05/3/2021 với số tiền là  $5.000.000đ \times 13 \text{ tháng} = 65.000.000đ$ .

2. Bị đơn bà Lê Thị Kim H trình bày: Vào ngày 19/7/2018 bà có mượn của bà T số tiền 150.000.000đ, lãi suất 15%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả, bà vay tiền cho con làm ăn. Sau khi vay tiền bà có trả cho bà T được số tiền lãi 06 tháng, mỗi tháng là 22.500.000đ. Khi vay tiền không có ký giấy nợ nên ngày 05/3/2019 bà T yêu cầu bà viết giấy nợ là có nợ bà T số tiền 150.000.000đ.

Tháng 8/2019 bà T có khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 25.000.000đ và tháng 5/2020 bà T khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền 30.000.000đ nhưng do hoàn cảnh khó khăn đến nay bà chỉ trả cho bà T số tiền 1.500.000đ.

Nay bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu bà trả tiếp số tiền 65.000.000đ trong giấy nợ ngày 05/3/2019 (từ ngày 05/3/2020 đến ngày 05/3/2021), bà đồng ý nhưng xin trả 2.000.000đ/tháng đến khi hết số nợ 65.000.000đ.

Do bị đơn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Lê Thị Kim H phải trả số tiền vay còn nợ và bà H hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền

giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả số tiền vay còn nợ là 65.000.000đ trong khoản vay 150.000.000đ vào ngày 05/3/2019. Tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận có vay và có viết giấy nợ ngày 05/3/2019 là nợ bà T số tiền 150.000.000đ, thỏa thuận trả 5.000.000đ/tháng và bà H đồng ý trả số tiền vi phạm từ ngày 05/3/2020 đến ngày 05/3/2021 là 65.000.000đ. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Một bên thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, .... mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”* nên buộc bà Lê Thị Kim H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay còn nợ 65.000.000đ.

[3] Về tiền lãi: Tại phiên tòa, bị đơn trình bày có trả cho nguyên đơn số tiền lãi 137.000.000đ nhưng nguyên đơn không thừa nhận và bị đơn không có chứng cứ minh số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Đại diện của bà T không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về phương pháp thanh toán: Bị đơn yêu cầu được thanh toán số tiền 65.000.000đ bằng cách trả 2.000.000đ/tháng cho đến khi hết số nợ, song đại diện nguyên đơn không đồng ý nên Tòa án cũng không thể chấp nhận yêu cầu trả dần của bị đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 463, Điều 466 và Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh T tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản với bà Lê Thị Kim H.

Buộc bà Lê Thị Kim H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền vay còn nợ 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng). Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Kim H phải nộp số tiền 3.250.000đ (Ba triệu, hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.625.000đ (Một triệu, sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004497 ngày 19/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Kim Thoa**